



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

ALPHA SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 2 Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 39334666

Fax: (84.4) 39334668

Email: Info@apsc.vn

Website: www.apsc.com.vn

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN ALPHA

# MỤC LỤC

|              |  |           |
|--------------|--|-----------|
| <b>I.</b>    | <b>LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....</b>                        | <b>3</b>  |
| 1.           | Các sự kiện quan trọng   |           |
| 2.           | Quá trình phát triển   |           |
| 3.           | Định hướng phát triển  |           |
| <b>II.</b>   | <b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>                       | <b>6</b>  |
| 1.           | Các nét nổi bật của kết quả kinh doanh trong năm 2010            |           |
| 2.           | Tình hình thực hiện so với kế hoạch                              |           |
| 3.           | Những thay đổi chủ yếu trong năm 2010                            |           |
| 4.           | Triển vọng và kế hoạch trong năm 2011                            |           |
| <b>III.</b>  | <b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....</b>                            | <b>9</b>  |
| 1.           | Báo cáo tình hình tài chính                                      |           |
| 2.           | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh                             |           |
| 3.           | Những tiến bộ công ty đã đạt được                                |           |
| 4.           | Kế hoạch phát triển trong tương lai                              |           |
| <b>IV.</b>   | <b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....</b>                                   | <b>15</b> |
| 1.           | Bảng cân đối kế toán   |           |
| 2.           | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh                             |           |
| 3.           | Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ                                       |           |
| <b>V.</b>    | <b>BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN....</b> | <b>20</b> |
| 1.           | Kiểm toán độc lập  |           |
| 2.           | Kiểm toán nội bộ   |           |
| <b>VI.</b>   | <b>CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN.....</b>                             | <b>32</b> |
| <b>VII.</b>  | <b>TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ .....</b>                                  | <b>31</b> |
| <b>VIII.</b> | <b>THÔNG TIN CỔ ĐÔNG .....</b>                                   | <b>43</b> |
| 1.           | Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát                                 |           |
| 2.           | Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn                          |           |
|              | 2.1 Cổ đông góp vốn Nhà nước                                     |           |
|              | 2.2 Cổ đông góp vốn sáng lập                                     |           |
|              | 2.3 Cổ đông góp vốn nước ngoài                                   |           |

# **I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

## **1. Các sự kiện quan trọng**

- Ngày 11/01/2007: Thành viên của Trung tâm Lưu ký chứng khoán
- Ngày 23/01/2007: Thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Ngày 12/03/2007 Khai trương và đi vào hoạt động tại Hà Nội
- Ngày 15/03/2007: Thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 10/01/2008: Giới thiệu dịch vụ tra cứu SMS với Khách hàng
- Ngày 04/01/2010: Giao dịch trực tuyến với sàn HCM
- Ngày 28/5/2010: Giao dịch trực tuyến với sàn Hà Nội

## **2. Quá trình hình thành và phát triển**

- Công ty cổ phần chứng khoán Alpha (Alpha Securities Company, JS) được thành lập hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/12/2006, sửa đổi lần thứ nhất ngày 22/12/2006.
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 do UBCKNN cấp;
- Quyết định số 64/UBCK-GP ngày 21/8/2007 của UBCKNN về việc sửa đổi một số nội dung của Giấy phép 44/UBCK-GPHĐKD;
- Quyết định số 133/UBCK-GP ngày 18/6/2008 của UBCKNN về việc sửa đổi một số nội dung của Giấy phép 44/UBCK-GPHĐKD.
- Giấy phép số 211/UBCK-GP ngày 16/03/2009 điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 44/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 28/12/2006 được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

- Tổng số vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 133/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/6/2008 về việc sửa đổi một số nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 do UBCKNN cấp là 58.619.400.000 đồng.
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha có trụ sở tại Số 02 Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

*Với mục tiêu xây dựng và cung cấp các dịch vụ về chứng khoán mang tính chuyên nghiệp, hiệu quả với độ tin nhiệm cao, APSC cam kết là một nhân tố tích cực góp phần xây dựng một thị trường tài chính lành mạnh và phát triển bền vững.*

### **3. Định hướng phát triển**

- Trở thành một Công ty chứng khoán môi giới chuyên nghiệp và uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Phương thức giao dịch và hệ thống công nghệ thông tin hiện đại và tiên tiến nhất.
- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ hoàn hảo đến khách hàng.
- Môi trường làm việc thân thiện và hiệu quả cao với đội ngũ chuyên gia có trình độ và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán, có đạo đức nghề nghiệp và có nhiệt huyết xây dựng Công ty.

#### **3.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2011**

- Đưa hệ thống phần mềm giao dịch mới đi vào hoạt động
- Nâng cấp toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin
- Tăng vốn lên 135 tỷ để mở rộng thêm lĩnh vực tự doanh
- Liên tục mở rộng mạng lưới khách hàng cá nhân và tổ chức
- Không ngừng hoàn thiện chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng
- Tăng thị phần môi giới, mở rộng lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp
- Liên tục tuyển dụng và đào tạo các nhân tài phục vụ cho Công ty

### 3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Xây dựng APSC thành một công ty có thương hiệu mạnh về dịch vụ môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam và Quốc Tế. Để đạt được mục tiêu trên APSC đã đưa ra những chiến lược cụ thể như sau :

- **Chiến lược phát triển khách hàng:** APSC quan điểm rằng để mở rộng được mạng lưới khách hàng thì cần phải xây dựng được niềm tin của khách hàng đối với công ty, vì vậy chữ Tín trong kinh doanh là một yếu tố quan trọng. Nâng cao tính minh bạch và cam kết về trách nhiệm trong các hoạt động giao dịch mua bán đầu tư với khách hàng sẽ là một nền tảng để khách hàng lựa chọn và gắn bó lâu dài với Công ty.
- **Chiến lược phát triển sản phẩm dịch vụ:** APSC cung cấp một chuỗi các sản phẩm nhằm nâng cao tiện ích cho khách hàng trong việc sử dụng dịch vụ, tiết kiệm thời gian tối đa và vẫn đạt hiệu quả trong đầu tư.
- **Chiến lược công nghệ thông tin:** Với đặc thù là ngành kinh doanh phụ thuộc nhiều vào công nghệ, APSC đã xác định mức độ quan trọng của hệ thống công nghệ thông tin hiện đại. Với kinh nghiệm trong ngành chứng khoán APSC hiểu thấu và thông suốt các cách thức giao dịch, nhu cầu của khách hàng, các sản phẩm phái sinh tài chính và cả những sản phẩm mới sẽ được đưa vào thị trường Việt Nam, trên nền tảng đó APSC xây dựng một hệ thống công nghệ thông tin hiện đại , tiên tiến và có độ mở cao nhằm đáp ứng việc thích ứng với môi trường kinh doanh tại Việt Nam đặc biệt là sự thích nghi với sự thay đổi các chính sách của thị trường. Với hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng được đầy đủ các nhu cầu của khách hàng nhưng đồng thời giúp khách hàng tiết kiệm chi phí.
- **Chiến lược nhân sự:** APSC xác định nhân sự là yếu tố cơ bản và quan trọng nhất để xây dựng một APSC thành công và trở thành một thương hiệu mạnh trong ngành.

Vì vậy APSC có một hệ thống các quy trình, chính sách để thu hút, đào tạo và phát triển nhân tài. Trong cơ chế thị trường cạnh tranh khốc liệt về nhân sự giỏi, APSC cam kết luôn hiểu, chia sẻ, vun đắp và hỗ trợ cho những thành viên của Công ty để từ đó có động lực phát triển và gắn bó lâu dài với Công ty.

### **III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **1. Các nét nổi bật của kết quả kinh doanh trong năm 2010**

Nhìn nhận lại năm 2010 ta thấy nền kinh tế Việt Nam đang dần dần từng bước được phục hồi. Những thành tựu kinh tế mà Việt Nam đạt được trong năm 2010 có thể không cao như những năm trước, song tốc độ tăng trưởng dương (+) mà Việt Nam gặt hái được trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy thoái là nỗ lực đáng được ghi nhận. Trong bối cảnh đó APSC đã thực hiện được một số nhiệm vụ quan trọng cụ thể như sau:

- Từng bước đưa các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng đạt chất lượng và hiệu quả;
- Đã hoàn thành cơ bản việc triển khai phần mềm giao dịch mới đáp ứng được hết các yêu cầu của khách hàng;
- Đã và đang xúc tiến lựa chọn một số đối tác chiến lược để thực hiện việc tăng vốn và mở rộng kinh doanh cả về chiều rộng lẫn chiều sâu;
- Ổn định và xây dựng lực lượng nhân sự nòng cốt, có trình độ chuyên môn cao, có tâm huyết, cống hiến và làm việc gắn bó lâu dài cho công ty;

#### **2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Mặc dù năm 2010, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã có những bước phục hồi mạnh mẽ. Tuy nhiên, để đưa nền kinh tế thoát hẳn ra khỏi những khó khăn mà cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008 đưa đến còn gặp rất nhiều khó khăn. Là một doanh nghiệp hoạt động trong tổng thể nền kinh tế đất nước, APSC cũng chịu những ảnh hưởng nặng nề. Mặc dù vậy, với sự nỗ lực không ngừng của các bộ công nhân viên Công ty, đặc biệt là những quyết định đúng đắn của Ban Giám đốc, APSC đã gặt hái được những thành công đáng khích lệ. Cụ thể:

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh đạt 7.3 tỷ đồng; doanh thu từ hoạt động tài chính và dịch vụ đạt 12.4 tỷ đồng; tổng doanh thu đạt 19.7 tỷ đồng đạt 190,77% so với kế hoạch năm đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 640 triệu đồng.

### **3. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2010**

- Đã đưa một số sản phẩm mới vào dịch vụ tư vấn và cung cấp sản phẩm dịch vụ phái sinh cho khách hàng, các sản phẩm này đã nhận được sự hài lòng của khách hàng.
- Liên tục nâng cấp và cải tiến phần mềm giao dịch để duy trì việc hoạt động và phục vụ khách hàng cũng như phục vụ công tác kiểm soát của công ty, trong khi chờ đợi đưa sản phẩm phần mềm mới vào hoạt động
- Các khối phòng ban đã đi vào hoạt động thông suốt và dần dần từng bước mở rộng và hoạt động hiệu quả hơn. Sự gắn kết trong công việc giữa các phòng ban là một điểm đáng ghi nhận trong nỗ lực của Ban giám đốc.
- Các chiến dịch kinh doanh để chăm sóc và mở rộng mạng lưới khách hàng cũng không ngừng đưa ra để thích ứng với tình hình của thị trường.

### **4. Triển vọng và kế hoạch trong năm 2011**

#### ***4.1. Dự báo kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2011:***

- Năm 2011, nền kinh tế Việt Nam vẫn còn gặp rất nhiều thách thức lớn đó là việc tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng đồng thời cũng phải kiềm chế lạm phát, với dự báo GDP từ 6.8 % đến 7% , tỷ lệ lạm phát giữ ở mức 7.5% đó là bài toán khó cho các chính sách cân đối kinh tế vĩ mô đặc biệt là chính sách tiền tệ, việc thay đổi các chính sách tiền tệ cũng sẽ tác động mạnh mẽ đến thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Ngoài ra sự tăng trưởng của kinh tế Việt Nam năm 2011 còn phụ thuộc vào việc kinh tế thế giới có tiếp tục đà hồi phục như dự kiến, hay không, sự điều hành chính sách trong nước có linh hoạt theo tín hiệu thị trường và đảm bảo sự ổn định kinh tế vĩ mô.
- APSC cho rằng năm 2011 VN index sẽ dao động trong khoảng từ 450 đến 670 điểm. Thời gian đầu năm 2011 do tình hình kinh tế, chính trị thế giới có nhiều biến động xấu và Chính phủ Việt Nam đưa ra các chính sách thắt chặt để kiềm chế lạm phát và ổn định nền kinh tế cũng sẽ khiến thị trường chứng khoán gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, việc giá xăng tăng, lạm phát cao khiến đồng tiền bị mất giá cũng

sẽ khiến các nhà đầu tư tìm đến những kênh đầu tư an toàn hơn như vàng và bất động sản cũng sẽ khiến tính hấp dẫn của thị trường chứng khoán giảm. Tuy vậy, theo quan điểm của ASPC vào nửa cuối năm 2011 khi các yếu tố vĩ mô sẽ dần dần ổn định và tình hình kinh tế thế giới định bớt phức tạp, tính thanh khoản của thị trường chứng khoán sẽ được cải thiện.

#### **4.2. Kế hoạch năm 2011:**

- Năm 2011 là năm bản lề mà APSC cam kết với sự nỗ lực hết sức để có sự đột biến trong các mảng hoạt động kinh doanh. APSC sẽ không ngừng hoàn thiện mình để từng bước đạt được các mục tiêu đề ra;
- Với việc tiến hành tăng vốn và mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh phải được thực hiện trong năm sẽ là bước đột phá về vốn để từ đó APSC thực hiện được các dự án đầu tư, cũng như các hoạt động tài chính khác để đáp ứng nhu cầu đang ngày càng lớn rộng của khách hàng;
- Việc phần mềm giao dịch mới chính thức đi vào hoạt động sẽ góp phần đáng kể trong việc mở rộng thị phần, nâng cao vị thế của APSC trên thị trường, tăng thêm nhiều sản phẩm tiện ích cho nhà đầu tư và đồng thời cũng hỗ trợ thêm cho công tác quản trị một cách hệ thống hơn nữa;
- Tiếp tục tuyển mộ các nhân sự cao cấp và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực tài chính chứng khoán để đáp ứng kịp với nhu cầu mở rộng và phát triển của công ty.



### III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính

##### 1.1. Những chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2008, 2009, 2010

| Chỉ tiêu  | ĐVT | Năm 2010 | Năm 2009 | Năm 2008 |
|---|-----|----------|----------|----------|
| <b>Cơ cấu tài sản (%)</b>                         |     |          |          |          |
| - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản                    | %   | 9.61     | 7.94     | 8.47     |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản                   | %   | 90.39    | 92.06    | 91.53    |
| <b>Cơ cấu nguồn vốn (%)</b>                       |     |          |          |          |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn                      | %   | 28.62    | 41.47    | 24.49    |
| - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn             | %   | 71.38    | 58.53    | 75.51    |
| <b>Khả năng thanh toán (lần)</b>                  |     |          |          |          |
| - Khả năng thanh toán nhanh                       | lần | 3.17     | 2.22     | 3.74     |
| - Khả năng thanh toán hiện hành                   | lần | 3.17     | 2.22     | 3.74     |
| <b>Tỷ suất lợi nhuận (%)</b>                      |     |          |          |          |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản         | %   | 0.72     | 1.03     | 0.06     |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần      | %   | 3.24     | 6.36     | 0.22     |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu | %   | 1.01     | 1.76     | 0.08     |

## 1.2. Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

| STT | Chỉ tiêu                            | Số liệu ngày 31/12/2010 | Yêu cầu theo quy định |
|-----|-------------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| 1   | Vốn khả dụng/Nợ điều chỉnh          | 232,72 %                | > 6%                  |
| 2   | Giá trị tài sản cố định/Vốn điều lệ | 7.27%                   | < 50%                 |
| 3   | Tổng nợ/ Vốn chủ sở hữu             | 0.40 lần                | < 6 lần               |
| 4   | Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn        | 3.17 lần                | > 1 lần               |

## 1.3. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010.

- Giá sổ sách mỗi cổ phần tại thời điểm 31/12/2010 là: 10.873 đồng.
- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: không có
- Tổng số cổ phiếu: 5.861.940 cổ phần phổ thông
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): không có
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.861.940 cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: không có

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Năm 2010 là một năm đầy biến động đối với thị trường chứng khoán Việt nam cũng như đối với các thành viên tham gia thị trường, trong đó bao gồm cả APSC. Tuy nhiên với sự cố gắng, nỗ lực của cán bộ nhân viên và sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo của công ty trong quản lý và điều hành đã giúp công ty vượt qua được những khó khăn, thách thức.

| <b>Chỉ tiêu</b>  | <b>Kế hoạch<br/>(VNĐ)</b> | <b>Thực hiện<br/>(VNĐ)</b> | <b>Tỷ lệ<br/>(%)</b> |
|--|---------------------------|----------------------------|----------------------|
| <b>Doanh thu</b>   | <b>27.100.000.000</b>     | <b>19.809.576.728</b>      | <b>73.10</b>         |
| -Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán<br>niêm yết      | 9.500.000.000             | 6.042.712.636              | 63.61                |
| -Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán<br>chưa niêm yết | 100.000.000               |                            | 0.00                 |
| -Doanh thu hoạt động tự doanh góp vốn                      | 9.500.000.000             | 7.561.721.400              | 79.60                |
| -Doanh thu hoạt động tự vấn                                | 1.500.000.000             | 712.300.000                | 47.49                |
| -Doanh thu dịch vụ   | 6.500.000.000             | 5.492.842.692              | 84.51                |
| <b>Chi phí</b>   | <b>19.000.000.000</b>     | <b>19.168.643.121</b>      | <b>100.89</b>        |
| Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán                   | 10.000.000.000            | 10.555.844.638             | 105.56               |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                               | 9.000.000.000             | 8.612.798.483              | 95.70                |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                        | <b>8.100.000.000</b>      | <b>640.933.607</b>         | <b>7.91</b>          |
| <b>Thuế suất 25%</b>                                       | <b>2.025.000.000</b>      |                            |                      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                                  | <b>6.075.000.000</b>      |                            |                      |

### ***2.1. Hoạt động giao dịch, môi giới:***

Đây là hoạt động mang tính chiến lược của APSC. Với đội ngũ lãnh đạo nhiều năm trong nghề và các chuyên viên có trình độ cao đã mang lại cho APSC một lượng khách hàng giao dịch lớn, thân thiết và gắn bó với công ty.

APSC đã duy trì và chú trọng việc nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ bằng kỹ năng và trình độ chuyên môn cao, cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin của thị trường

để giúp khách hàng nắm bắt được thông tin kịp thời, tìm kiếm và cung cấp cho khách hàng các cơ hội đầu tư phù hợp.

Phương thức giao dịch luôn tuân thủ theo đúng quy định ưu tiên lệnh của khách hàng, đảm bảo tốc độ truyền lệnh nhanh và chính xác.

## **2.2. Hoạt động lưu ký**

Là một trong những nghiệp vụ cơ bản của APSC. Hoạt động này đã cung cấp cho khách hàng rất nhiều tiện ích như ký gửi và bảo quản chứng khoán để đảm bảo các quyền và lợi ích kịp thời cho khách hàng. Với việc lưu ký sớm chứng khoán, APSC đã hỗ trợ cho khách hàng kịp thời giao dịch. Ngoài ra khách hàng còn được cập nhật các thông tin kịp thời về cổ tức, giá chứng khoán và các thông tin liên quan đến cổ phiếu mà khách hàng đầu tư.

Trong năm công ty đã thực hiện đầy đủ và chính xác các số liệu cũng như thủ tục lưu ký và thanh toán bù trừ, không xảy ra sai sót. Các thủ tục giấy tờ tiến hành nhanh chóng đã mang lại sự hài lòng cho khách hàng.

## **2.3. Hoạt động quản lý sổ cổ đông:**

APSC đã ký kết và thực hiện quản lý sổ cổ đông cho nhiều tổng công ty lớn với mức độ chuyên nghiệp hóa cao. Hoạt động này bao gồm các công việc như sau:

- Xây dựng và quản lý sổ cổ đông theo đúng các quy định hiện hành;
- Xây dựng quy trình và quản lý các hoạt động chuyển nhượng cổ phần của cổ đông;
- Thay mặt tổ chức phát hành thực hiện phân bổ quyền cho cổ đông;
- Thay mặt tổ chức phát hành thực hiện việc xây dựng các báo cáo liên quan đến cổ đông theo quy định của pháp luật;
- Cùng với tổ chức phát hành xây dựng các kế hoạch và tổ chức các sự kiện như: lấy ý kiến cổ đông, tổ chức đại hội cổ đông thường niên, tổ chức đại hội cổ đông bất thường...

## **2.4. Hoạt động hỗ trợ vốn**

APSC đã phối hợp với nhiều các tổ chức tài chính- tín dụng lớn nhằm cung cấp thêm nhu cầu về vốn cho khách hàng, tạo thêm tính thanh khoản cho danh mục đầu tư đạt được nhiều hiệu quả cao. Năm 2010 là năm mà APSC đã triển khai thêm dịch vụ

Hợp tác đầu tư cổ phiếu niêm yết với khách hàng. Các dịch vụ như ứng trước tiền bán, cầm cố vẫn luôn đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng.

### **2.5. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp:**

APSC đã có được niềm tin đối với khách hàng và dần đang có vị thế trên thị trường trong dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp. Sản phẩm mà APSC cung cấp bao gồm:

- **Dịch vụ tư vấn niêm yết:** Với nhiều kinh nghiệm trên thị trường APSC sẽ hỗ trợ khách hàng thực hiện việc niêm yết trên các Sở giao dịch kịp kế hoạch đề ra, các công việc được tiến hành như: Khảo sát doanh nghiệp; Xây dựng phương án niêm yết; tư vấn lập và hoàn thiện hồ sơ; hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục lưu ký chứng khoán.
- **Dịch vụ tư vấn tăng vốn điều lệ:** các dịch vụ mà APSC đã thực hiện bao gồm: tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng, tư vấn phát hành riêng lẻ, phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức thưởng bằng cổ phiếu.
- **Dịch vụ tư vấn giảm vốn điều lệ:** APSC sẽ tư vấn cho Doanh nghiệp các phương án giảm vốn hiệu quả nhất và phù hợp với tình hình của Doanh nghiệp.
- **Dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp:** các dịch vụ APSC đã thực hiện bao gồm tư vấn phát hành trái phiếu ra công chúng, phát hành trái phiếu riêng lẻ và các dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu khác.
- **Dịch vụ tư vấn cổ phần hóa:** Dịch vụ tư vấn trước và sau cổ phần hóa mà APSC đang triển khai bao gồm các việc sau: Tiến hành khảo sát doanh nghiệp; Xây dựng lộ trình cổ phần hóa; Xác định giá trị doanh nghiệp; Lập hồ sơ và thực hiện các thủ tục về cổ phần hóa; Đấu giá ra công chúng.
- **Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp:** với sản phẩm này APSC mang đến cho khách hàng các giải pháp quản trị hiệu quả phù hợp với các chính sách, quy định. Giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động và nâng cao vị thế trên thị trường.

### **2.6. Hoạt động phân tích:**

Bên cạnh các sản phẩm chính, các Báo cáo phân tích phát hành định kỳ ngày, tuần, tháng đã gia tăng thêm cho các khách hàng cá nhân và tổ chức có cái nhìn khái quát và chi tiết hơn về tình hình thị trường. Các báo cáo phân tích bao gồm báo cáo phân tích cổ phiếu, báo cáo phân tích kinh tế và báo cáo phân tích đầu tư.

### ***3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được***

- Cơ cấu tổ chức linh hoạt, chuyên nghiệp hóa.
- Chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cấp, các quy trình nghiệp vụ được hoàn thiện giúp nâng cao chất lượng dịch vụ và Công ty kiểm soát được rủi ro.
- Cơ sở hạ tầng và phần mềm dịch vụ được liên tục đổi mới

### ***4. Kế hoạch phát triển trong tương lai***

Công ty vẫn chủ trương phát triển lĩnh vực môi giới và tư vấn tài chính doanh nghiệp. Nâng cấp các dịch vụ chăm sóc khách hàng và dịch vụ phần mềm giao dịch mang lại hiệu quả tối đa trong đầu tư. Từ đó mở rộng mạng lưới khách hàng, mở thêm các chi nhánh trực thuộc Công ty. Bên cạnh đó Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán. Việc niêm yết sẽ đem lại thanh khoản trong giao dịch cho các cổ đông, thu hút nhà đầu tư và tạo dựng được hình ảnh cho Công ty. Nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

##### 1. Bảng cân đối kế toán (tại ngày 31/12/2010)

Đơn vị tính: VND

| <b>TÀI SẢN</b>                                 | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>      |
|--|-----------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                    | <b>80.717.444.283</b> | <b>101.271.839.719</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   | <b>31.867.516.354</b> | <b>64.127.944.580</b>  |
| 1. Tiền  | 31.867.516.354        | 64.127.944.580         |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b> | <b>24.950.803.500</b> | <b>28.175.866.000</b>  |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                             | 31.800.472.040        | 38.236.779.515         |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn           | (6.849.668.540)       | (10.060.913.515)       |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>23.732.115.262</b> | <b>8.889.296.087</b>   |
| 1. Phải thu của khách hàng                     | 13.828.650.000        | 7.547.000.000          |
| 2. Trả trước cho người bán                     | 1.279.615.262         | 1.106.923.499          |
| 3. Các khoản phải thu khác                     | 8.623.850.000         | 235.372.588            |
| <b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>               | <b>167.009.167</b>    | <b>78.733.052</b>      |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                  | 47.725.818            | 31.682.035             |
| 2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước         | 20.868.435            | -                      |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác                       | 98.414.914            | 47.051.017             |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                     | <b>8.578.173.402</b>  | <b>8.728.845.337</b>   |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>           | <b>318.011.080</b>    | <b>568.058.117</b>     |
| 1. Phải thu dài hạn khác                       | 318.011.080           | 568.058.117            |

|   |                       |                        |
|---|-----------------------|------------------------|
| <b>II. Tài sản cố định</b>                | <b>4.261.639.098</b>  | <b>3.448.198.288</b>   |
| 1. Tài sản cố định hữu hình               | 4.061.809.898         | 3.127.826.364          |
| - Nguyên giá                              | 6.960.634.165         | 4.988.628.330          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                  | (2.898.824.267)       | (1.860.801.966)        |
| 2. Tài sản cố định vô hình                | 199.829.200           | 320.371.924            |
| - Nguyên giá                              | 610.075.000           | 610.075.000            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                  | (410.245.800)         | (289.703.076)          |
| 3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang | -                     | 452.717.491            |
| <b>III. Tài sản dài hạn khác</b>          | <b>3.998.523.224</b>  | <b>4.712.588.932</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn              | 3.103.704.497         | 4.130.043.727          |
| 2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán         | 894.818.727           | 582.545.205            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                  | <b>89.295.617.685</b> | <b>110.000.685.056</b> |

*Đơn vị tính: VND*

| <b>NGUỒN VỐN</b>                       | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>                 | <b>25.557.027.133</b> | <b>46.836.463.430</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>25.498.570.165</b> | <b>46.816.476.462</b> |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                  | 8.400.000.000         | -                     |
| 2. Người mua trả tiền trước            | 139.300.000           | 546.650.000           |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 71.204.281            | 51.900.173            |
| 4. Chi phí phải trả                    | 446.941.253           | 489.713.954           |



|   |                       |                        |
|---|-----------------------|------------------------|
| 5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | 59.425.942            | 1.214.701.897          |
| 6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 16.381.698.689        | 44.513.510.438         |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                         | <b>58.456.968</b>     | <b>19.986.968</b>      |
| 1. Phải trả dài hạn khác                      | 2.034.968             | 2.034.968              |
| 2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm              | 56.422.000            | 17.952.000             |
| <b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                     | <b>63.738.590.552</b> | <b>63.164.221.626</b>  |
| <b>I - Vốn chủ sở hữu</b>                     | <b>63.738.590.552</b> | <b>63.164.221.626</b>  |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                  | 58.619.400.000        | 58.619.400.000         |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                       | 1.779.850.000         | 1.779.850.000          |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính                     | 808.893.187           | 751.317.826            |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối          | 2.530.447.365         | 2.013.653.800          |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                    | <b>89.295.617.685</b> | <b>110.000.685.056</b> |

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

*Đơn vị tính: VND*

| Chỉ tiêu  | Năm nay               | Năm trước             |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>1. Doanh thu</b>                             | <b>19.764.365.983</b> | <b>17.922.781.842</b> |
| <i>Trong đó:</i>                                |                       |                       |
| Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán        | 6.042.712.636         | 11.881.530.385        |
| Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 7.561.721.400         | 1.053.225.151         |

|   |                       |                       |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán          | -                     | -                     |
| Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán            | -                     | -                     |
| Doanh thu hoạt động tư vấn                        | 712.300.000           | 1.076.000.000         |
| Doanh thu lưu ký chứng khoán                      | -                     | -                     |
| Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá               | -                     | -                     |
| Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản                | -                     | -                     |
| Doanh thu khác                                    | 5.447.631.947         | 3.912.026.306         |
| <b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>            | <b>253.200</b>        | <b>85.157.533</b>     |
| <b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b> | <b>19.764.112.783</b> | <b>17.837.624.309</b> |
| <b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>            | <b>10.555.844.638</b> | <b>9.284.811.084</b>  |
| <b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>  | <b>9.208.268.145</b>  | <b>8.552.813.225</b>  |
| <b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>            | <b>8.548.748.483</b>  | <b>7.421.837.649</b>  |
| <b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> | <b>659.519.662</b>    | <b>1.130.975.576</b>  |
| <b>8. Thu nhập khác</b>                           | <b>45.463.945</b>     | <b>68.345.389</b>     |
| <b>9. Chi phí khác</b>                            | <b>64.050.000</b>     | <b>-</b>              |
| <b>10. Lợi nhuận khác</b>                         | <b>(18.586.055)</b>   | <b>68.345.389</b>     |
| <b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>      | <b>640.933.607</b>    | <b>1.199.320.965</b>  |
| <b>12. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>            | <b>-</b>              | <b>65.152.669</b>     |

|                                       |                    |                      |
|---------------------------------------|--------------------|----------------------|
| <b>13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b> | -                  | -                    |
| <b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>    | <b>640.933.607</b> | <b>1.134.168.296</b> |
| <b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>   | <b>109</b>         | <b>193</b>           |

### 3. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

| Chỉ tiêu  | Năm 2010                       | Năm 2009                     |
|---|--------------------------------|------------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>           |                                |                              |
| 1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh                         | 2.288.535.137                  | 3.598.329.680                |
| 2. Tiền chi hoạt động kinh doanh                            | (5.716.136.327)                | (3.674.897.432)              |
| 3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán                       | (312.273.522)                  | (208.871.723)                |
| 4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng                | 522.173.867.947                | 762.676.141.572              |
| 5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng            | (705.891.411.851)              | (884.484.518.443)            |
| 6. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ      | (5.341.049.313)                | (3.262.408.194)              |
| 7. Tiền chi trả cho người lao động                          | (6.690.440.565)                | (6.258.249.207)              |
| 8. Tiền chi trả lãi vay                                     | (523.020.662)                  | -                            |
| 9. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp                  | (65.152.669)                   | (19.892.813)                 |
| 10. Tiền thu khác   | 403.464.457.504                | 450.459.208.164              |
| 11. Tiền chi khác   | (245.458.207.124)              | (297.844.085.818)            |
| <b><i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i></b> | <b><i>(42.070.831.445)</i></b> | <b><i>20.980.755.786</i></b> |

|   |                         |                       |
|---|-------------------------|-----------------------|
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                    |                         |                       |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | (42.368.181)            | (63.856.242)          |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia            | 1.452.771.400           | 827.020.000           |
| <b><i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i></b>           | <b>1.410.403.219</b>    | <b>763.163.758</b>    |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                | -                       |                       |
| 1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                           | 10.400.000.000          | -                     |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay  | (2.000.000.000)         | -                     |
| <b><i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i></b>        | <b>8.400.000.000</b>    | <b>-</b>              |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>                             | <b>(32.260.428.226)</b> | <b>21.743.919.544</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>                            | <b>64.127.944.580</b>   | <b>42.384.025.036</b> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ           | -                       | -                     |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>                           | <b>31.867.516.354</b>   | <b>64.127.944.580</b> |

## V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### 1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty Kiểm toán & Kế toán Hà Nội
- Ý kiến kiểm toán độc lập

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán của Công ty cổ phần chứng khoán ALPHA (gọi tắt là “Công ty”) vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh cho năm kết thúc cùng ngày từ trang 4 đến trang 6.

Việc lập các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

- **Cơ sở của ý kiến:**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp kiểm tra chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

***Các chính sách kế toán chủ yếu***

- **Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty lập và trình bày báo cáo tài chính theo Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008. Một số số liệu so sánh được trình bày cho phù hợp với cách trình bày số liệu cuối năm.

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với Hệ thống Kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

- **Hình thức sổ kế toán áp dụng:**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Sổ nhật ký chung.

- **Kỳ kế toán:**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- **Tiền và các khoản tương đương tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- **Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác:**

Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp xác định giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra: Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

- **Các khoản phải thu:**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- **Chi phí lãi vay:**

Chi phí lãi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm

- **Tài sản cố định:** Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- **Khấu hao:** Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

|                     |           |
|---------------------|-----------|
| Phương tiện vận tải | 5 năm     |
| Thiết bị văn phòng  | 3 - 8 năm |
| Máy móc thiết bị    | 3 - 8 năm |

- **Phân chia lợi nhuận:** Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được đại hội cổ đông chấp thuận và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

- **Quỹ dự phòng tài chính:**

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập hàng năm với mức 5% lợi nhuận của Công ty cho đến khi đạt 10% vốn điều lệ đã góp theo Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01 tháng 2 năm 2000 do Bộ Tài chính ban hành áp dụng cho các công ty chứng khoán. Quỹ được trích lập nhằm bảo toàn hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thua lỗ trong kinh doanh hoặc dự phòng cho lỗ hoặc tổn thất do các nguyên nhân khách quan.

- **Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ:**

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập hàng năm với mức 5% lợi nhuận của Công ty cho đến khi đạt 10% vốn điều lệ đã góp theo Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 1 tháng 2 năm 2000 do Bộ Tài chính ban hành áp dụng cho các công ty chứng khoán. Quỹ được trích lập để sử dụng vào việc mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc bổ sung vốn điều lệ đã góp.

- **Ghi nhận doanh thu:**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

✓ *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc dựa trên các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ.

✓ *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

✓ *Tiền lãi*

Thu nhập ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích

✓ *Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

- **Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra:**

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp:**

✓ *Thuế hiện hành:*

Thuế phải nộp hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

✓ *Thuế thu nhập hoãn lại:*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

*Đơn vị tính: VND*

| <b>CHỈ TIÊU</b>                   | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                          | 101.844.505           | 2.314.906.778         |
| Tiền gửi ngân hàng                | 15.626.097.591        | 16.017.546.884        |
| Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư | 16.139.574.258        | 45.795.490.918        |
| <b>Tổng cộng</b>                  | <b>31.867.516.354</b> | <b>64.127.944.580</b> |

**GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM.**

*Đơn vị tính: VND*

| <b>Chỉ tiêu</b>                  | <b>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</b> | <b>Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ</b> |
|----------------------------------|--|---|
| Cổ phiếu của công ty chứng khoán | 215.437  | 8.036.547.475                               |
| Cổ phiếu của nhà đầu tư          | 68.742.361                                     | 1.859.344.724.000                           |
| <b>Tổng cộng</b>                 | <b>68.957.798</b>                              | <b>1.867.381.271.475</b>                    |



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

*Đơn vị tính: VND*

| Chỉ tiêu               | Số lượng       | Giá trị theo sổ kế toán | So với giá thị trường |                      | Tổng giá trị theo giá thị trường |
|------------------------|----------------|-------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------------------|
|                        |                |                         | Tăng                  | Giảm                 |                                  |
| Chứng khoán thương mại | 967.749        | 31.800.472.040          | -                     | 6.849.668.540        | 24.950.803.500                   |
| <b>Cộng</b>            | <b>967.749</b> | <b>31.800.472.040</b>   | <b>-</b>              | <b>6.849.668.540</b> | <b>24.950.803.500</b>            |

## DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN

*Đơn vị tính: VND*

| CHỈ TIÊU               | Số cuối năm          | Số đầu năm            |
|------------------------|----------------------|-----------------------|
| Cổ phiếu niêm yết      | 6.849.668.540        | 10.008.113.515        |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | -                    | 52.800.000            |
| <b>Tổng cộng</b>       | <b>6.849.668.540</b> | <b>10.060.913.515</b> |

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá trung bình đối với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 31/12/2010.

Chứng khoán chưa niêm yết Công ty không có cơ sở so sánh, đối chiếu. Vì vậy, Công ty không trích dự phòng giảm cho những cổ phiếu này.

## CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

*Đơn vị tính: VND*

| CHỈ TIÊU                                      | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
|---|-----------------------|----------------------|
| Phải thu các khoản ứng trước cho người đầu tư | 13.828.650.000        | 7.547.000.000        |
| Trả trước cho người bán                       | 1.279.615.262         | 1.106.923.499        |
| Các khoản phải thu khác                       | 8.623.850.000         | 235.372.588          |
| <b>Tổng cộng</b>                              | <b>23.732.115.262</b> | <b>8.889.296.087</b> |

## TÀI SẢN NGẮN HẠN

*Đơn vị tính: VND*

| CHỈ TIÊU  | Số cuối năm        | Số đầu năm        |
|---|--------------------|-------------------|
| Giá trị các khoản chi phí ngắn hạn còn phải phân bổ | 47.725.818         | 31.682.035        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                          | 20.868.435         | -                 |
| Tạm ứng   | 98.414.914         | 47.051.017        |
| <b>Tổng cộng</b>                                    | <b>167.009.167</b> | <b>78.733.052</b> |

## CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

*Đơn vị tính: VND*

| CHỈ TIÊU          | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|-------------------|--------------------|--------------------|
| Phải thu dài hạn  | -                  | 136.047.100        |
| Trả trước dài hạn | 318.011.080        | 432.011.017        |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>318.011.080</b> | <b>568.058.117</b> |

## TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

*Đơn vị tính: VND*

| <b>CHỈ TIÊU</b>               | <b>Máy móc<br/>Thiết bị</b> | <b>Phương tiện,<br/>Vận tải</b> | <b>Tài sản CD<br/>hữu hình<br/>khác</b> | <b>Tổng cộng</b> |
|-------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|---|------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                             |                                 |   |                  |
| Số dư đầu năm                 | 2.671.254.246               | 1.408.688.600                   | 908.685.484                             | 4.988.628.330    |
| Mua trong năm                 | 1.993.687.654               |                                 | 42.368.181                              | 2.036.055.835    |
| Giảm trong năm                |                             |                                 | 64.050.000                              | 64.050.000       |
| Số dư cuối năm                | 4.664.941.900               | 1.408.688.600                   | 887.003.665                             | 6.960.634.165    |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                             |                                 |   |                  |
| Số dư đầu năm                 | 985.302.488                 | 477.591.324                     | 397.908.154                             | 1.860.801.966    |
| Khấu hao trong năm            | 604.303.535                 | 243.103.468                     | 190.615.298                             | 1.038.022.301    |
| Số dư cuối năm                | 1.589.606.023               | 720.694.792                     | 588.523.452                             | 2.898.824.267    |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                             |                                 |   |                  |
| Tại ngày đầu năm              | 1.685.951.758               | 931.097.276                     | 510.777.330                             | 3.127.826.364    |
| Tại ngày cuối năm             | 3.075.335.877               | 687.993.808                     | 298.480.213                             | 4.061.809.898    |

## TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản vô hình là các phần mềm phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phần mềm quản lý, phần mềm kế toán, được công ty tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao áp dụng 3 năm.

## TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

*Đơn vị tính: VND*

| <b>CHỈ TIÊU</b>                                  | <b>Số cuối năm</b>   | <b>Số đầu năm</b>    |
|--|----------------------|----------------------|
| Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 161.656.960          | 136.070.922          |
| Tiền thuê văn phòng, biển hiệu (*)               | 2.942.047.537        | 3.993.972.805        |
| <b>Tổng cộng</b>                                 | <b>3.103.704.497</b> | <b>4.130.043.727</b> |

(\*) Là các khoản tiền thuê văn phòng, sửa chữa văn phòng, biển hiệu quảng cáo của Chi nhánh công ty tại thành phố Hồ Chí Minh phát sinh trong khoảng thời gian trước khi Chi nhánh chính thức đi vào hoạt động.

## TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

*Đơn vị tính: VND*

| <b>CHỈ TIÊU</b>                              | <b>Số cuối năm</b> | <b>Số đầu năm</b>  |
|--|--------------------|--------------------|
| Tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán | 894.818.727        | 582.545.205        |
| <b>Tổng cộng</b>                             | <b>894.818.727</b> | <b>582.545.205</b> |

## NỢ NGẮN HẠN

*Đơn vị tính: VND*

| <b>CHỈ TIÊU</b>                               | <b>Số cuối năm</b>   | <b>Số đầu năm</b> |
|---|----------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo Dục (*) | 8.400.000.000        | -                 |
| <b>Tổng cộng</b>                              | <b>8.400.000.000</b> | <b>-</b>          |

(\*) Khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo Dục theo hợp đồng số 19/07/10 ngày 19 tháng 07 năm 2010 và hợp đồng số 30-11-2010 ngày 30 tháng 11 năm 2010 với tổng số tiền là 8.400.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất

kinh doanh. Thời hạn vay là 03 tháng với lãi suất là 1,33%/tháng. Hợp đồng không có tài sản đảm bảo.

## CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

*Đơn vị tính: VND*

| <b>CHỈ TIÊU</b>   | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tiền ký cược, ký quỹ ngắn hạn của nhà đầu tư trong nước | 16.066.260.837        | 44.467.469.720        |
| Tiền ký cược, ký quỹ ngắn hạn của nhà đầu tư nước ngoài | 38.907.110            | 14.308.868            |
| Các khoản phải trả phải nộp, ngắn hạn khác              | 276.530.742           | 31.731.850            |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>16.381.698.689</b> | <b>44.513.510.438</b> |

## NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

*Đơn vị tính: VND*

| <b>CHỈ TIÊU</b>                    | <b>Số đầu kỳ</b>      | <b>Phát sinh trong năm</b> |             | <b>Số cuối kỳ</b>     |
|------------------------------------|-----------------------|----------------------------|-------------|-----------------------|
|                                    |                       | <b>Tăng</b>                | <b>Giảm</b> |                       |
| <b>I. Vốn góp ban đầu</b>          | <b>58.619.400.000</b> | -                          | -           | <b>58.619.400.000</b> |
| 1. Vốn của các bên góp vốn         | -                     | -                          | -           | -                     |
| 2. Vốn cổ phần                     | 58.619.400.000        | -                          | -           | 58.619.400.000        |
| <i>Số lượng cổ phiếu phát hành</i> | <i>5.861.940</i>      | -                          | -           | <i>5.861.940</i>      |
| <i>Mệnh giá cổ phiếu phát hành</i> | <i>10.000</i>         | -                          | -           | <i>10.000</i>         |
| <b>II. Vốn bổ sung</b>             | <b>1.779.850.000</b>  | -                          | -           | <b>1.779.850.000</b>  |

|                  |  |                       |                      |                      |                       |
|------------------|--|-----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| 1.               | Thặng dư vốn cổ phần                       | 1.779.850.000         | -                    | -                    | 1.779.850.000         |
| <b>III.</b>      | <b>Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối</b> | <b>2.764.971.626</b>  | <b>9.546.402.967</b> | <b>8.972.034.041</b> | <b>3.339.340.552</b>  |
| 1.               | Quỹ đầu tư phát triển                      | -                     | -                    | -                    | -                     |
| 2.               | Quỹ dự phòng tài chính                     | 751.317.826           | 64.093.361           | 6.518.000            | 808.893.187           |
|                  | - Dự phòng pháp định                       | 350.639.813           | 32.046.680           |                      | 382.686.493           |
|                  | - Dự trữ theo Điều lệ công ty              | 400.678.013           | 32.046.681           | 6.518.000            | 426.206.694           |
| 3.               | Lợi nhuận chưa phân phối                   | 2.013.653.800         | 9.482.309.606        | 8.965.516.041        | 2.530.447.365         |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |  | <b>63.164.221.626</b> | <b>9.546.402.967</b> | <b>8.972.034.041</b> | <b>63.738.590.552</b> |

## CHI PHÍ KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

*Đơn vị tính: VND*

| CHỈ TIÊU  | Số năm nay            | Số năm trước         |
|---|-----------------------|----------------------|
| Chi phí môi giới chứng khoán                        | 544.892.120           | 953.861.697          |
| Chênh lệch lỗ bán khoán đầu tư chứng khoán, góp vốn | 3.165.391.475         | 10.924.000           |
| Chi phí lưu ký chứng khoán                          | 88.336.323            | 27.305.234           |
| Chi phí dự phòng, hoàn nhập dự phòng                | (3.211.244.975)       | 1.753.284.000        |
| Chi phí khác bằng tiền                              | 9.968.469.695         | 6.539.436.153        |
| <b>Tổng cộng</b>                                    | <b>10.555.844.638</b> | <b>9.284.811.084</b> |

**CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP***Đơn vị tính: VND*

| <b>CHỈ TIÊU</b>           | <b>Số năm nay</b>    | <b>Số năm trước</b>  |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 4.697.369.680        | 4.253.974.090        |
| Chi phí công cụ, đồ dung  | 166.883.176          | 398.359.625          |
| Chi phí khấu hao TSCĐ     | 523.744.432          | 436.489.235          |
| Thuế, phí và lệ phí       | 77.451.648           | 56.095.971           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.294.902.178        | 1.326.505.397        |
| Chi phí khác bằng tiền    | 1.788.397.369        | 950.413.331          |
| <b>Tổng cộng</b>          | <b>8.548.748.483</b> | <b>7.421.837.649</b> |

**THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP***Đơn vị tính: VND*

| <b>CHỈ TIÊU</b>   | <b>Số năm nay</b> | <b>Số năm trước</b> |
|---|-------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán (a)                                     | 640.933.607       | 1.199.320.965       |
| Các khoản điều chỉnh tăng (b)                             | -                 | -                   |
| Các khoản điều chỉnh giảm (c)                             | 1.452.771.400     | 827.020.000         |
| Thu nhập chịu thuế TNDN (d) = (a) + (b) – (c)             | (811.837.793)     | 372.300.965         |
| Thuế suất thuế TNDN (e)                                   | 25%               | 25%                 |
| Thuế TNDN (f) = (d) * (e)                                 | -                 | 93.075.241          |
| Thuế TNDN được miễn theo NQ 03 (h)                        | -                 | 27.922.572          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (i) = (f) – (g) – (h) | -                 | 65.152.669          |

#### **4 Kiểm toán nội bộ**

- *Ý kiến kiểm toán nội bộ:*

Về mặt kế toán : APSC tuân thủ các quy định về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật. APSC đã thực hiện phù hợp với Luật kế toán số 03/2003/QH11 17/06/2003 và các chuẩn mực kế toán của Việt nam, phù hợp với quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành 20/03/2006 về chế độ kế toán và thông tư 95/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành 24/10/2008 về việc hướng dẫn chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán có hiệu lực thi hành ngày 26/11/2008

- Các nhận xét đặc biệt: Không

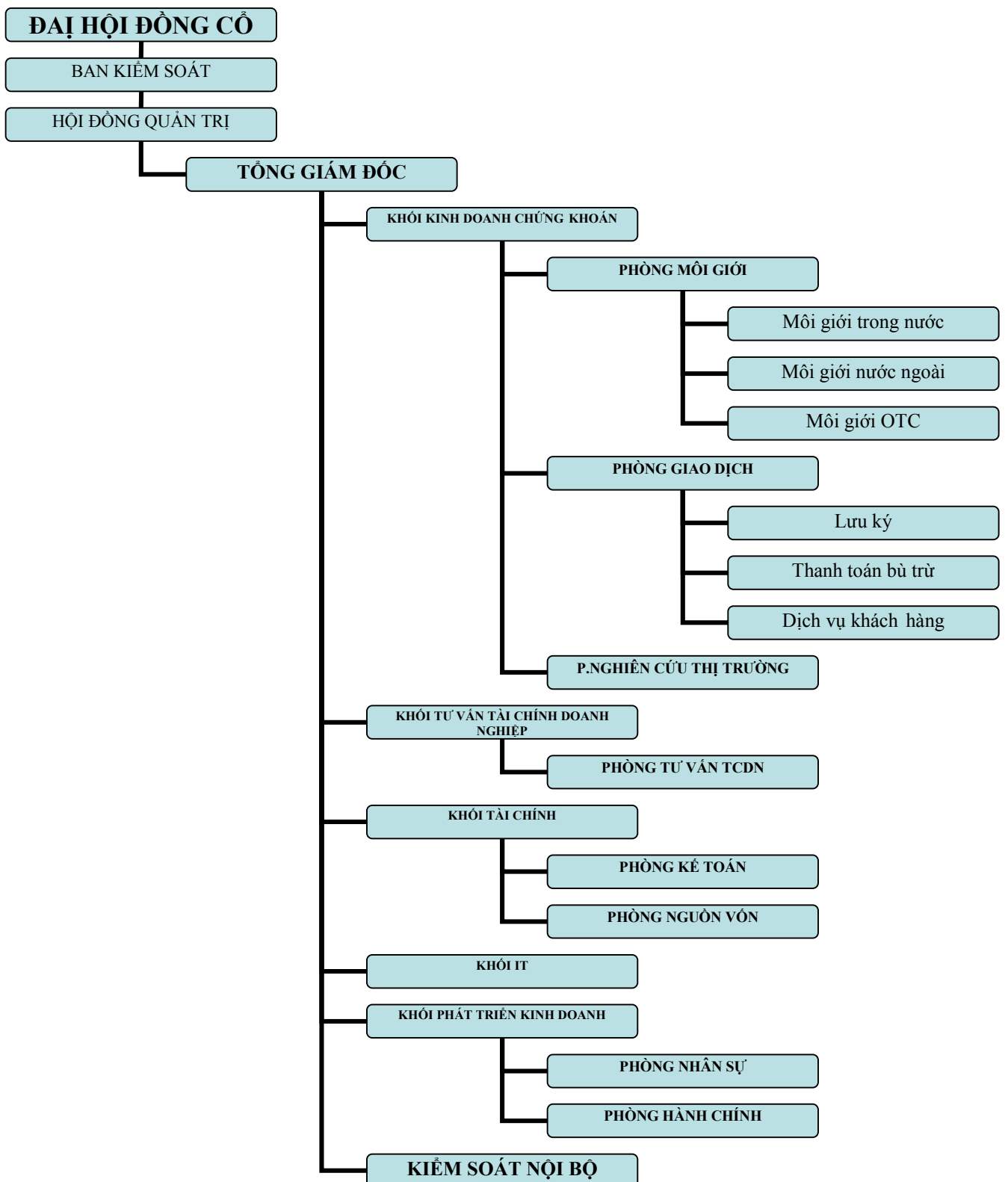
#### **VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty : không có
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ : không có



# VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## 1. Cơ cấu tổ chức



## 2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

### ✓ Ông Nguyễn Quốc Hùng – Tổng Giám Đốc

|   |  |
|---|--|
| <i>Họ và tên:</i>                       | NGUYỄN QUỐC HÙNG   |
| <i>Chức vụ:</i>                         | Tổng Giám đốc  |
| <i>Giới tính:</i>                       | Nam  |
| <i>Ngày tháng năm sinh:</i>             | 20-08-1965   |
| <i>CMND:</i>                            | 011019129, cấp ngày 30/03/2000 tại Hà Nội  |
| <i>Quốc tịch:</i>                       | Việt Nam   |
| <i>Dân tộc:</i>                         | Kinh   |
| <i>Địa chỉ thường trú:</i>              | Số 64 Ngõ Thổ Quan, Phố Khâm Thiên, Hà Nội   |
| <i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>        | (84 4) 3933 4666 (Ext: 186)  |
| <i>Trình độ văn hóa:</i>                | 12/12  |
| <i>Trình độ chuyên môn:</i>             | Cử nhân Kinh tế - Viện Đại học Mở  |
| <i>Quá trình công tác:</i>              | 1983-1995: Nhân viên Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu-<br>Công ty xăng dầu khu vực 1<br>2000-2006: Trưởng phòng Môi giới Công ty<br>Chứng khoán SSI |
| <i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>       | Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc<br>Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA  |
| <i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>       | Không  |
| <i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i> | Không  |
| <i>Những khoản nợ đối với Công ty:</i>  | Không  |

✓ Ông Lê Văn Cường – Giám đốc khối Tư vấn tài chính Doanh nghiệp

Họ và tên: LÊ VĂN CUƯỜNG

Chức vụ: Giám đốc khối tư vấn tài chính doanh nghiệp

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 23-02-1973

CMND: 011663391, cấp ngày 24/05/2005 tại Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 150 L3, Thái Thịnh, Hà Nội

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (84 4) 3933 4666 (Ext: 308)

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Học Viện Ngân Hàng

Quá trình công tác:

- Từ 1995-1996 : Nhân viên Ngân hàng Vietcombank
- Từ 1996-1998 : Chuyên viên – Ngân hàng Nhà nước
- Từ 1998- 2007 : Chuyên viên - Ủy ban chứng khoán nhà nước

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc khối tư vấn tài chính doanh nghiệp Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

*Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:* Không

*Những khoản nợ đối với Công ty:* Không

**✓ Bà Nguyễn Thị Giáng Hương – Giám đốc khối Tài chính Kế toán**

*Họ và tên:* NGUYỄN THỊ GIÁNG HƯƠNG

*Chức vụ:* Giám đốc khối Tài chính Kế toán

*Giới tính:* Nữ

*Ngày tháng năm sinh:* 08-01-1973

*CMND:* 012045938, cấp ngày 01/07/1999 tại Hà Nội

*Quốc tịch:* Việt Nam

*Dân tộc:* Kinh

*Địa chỉ thường trú:* Số 21, Ngõ 535, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

*Số ĐT liên lạc ở cơ quan:* (84 4) 3933 4666 (Ext: 408)

*Trình độ văn hóa:* 12/12

*Trình độ chuyên môn:* Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại Thương

*Quá trình công tác:* - Từ 1998 – 2006: Cán bộ Ngân hàng Tokyo-Mitsubishi Hà nội

*Chức vụ công tác hiện nay:* Giám đốc khối Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA

*Hành vi vi phạm pháp luật:* Không

*Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:* Không

*Những khoản nợ đối với Công ty:* Không

**✓ Bà Trương Thị Minh Thọ - Giám đốc khối Kinh doanh Chứng khoán**

*Họ và tên:* TRƯƠNG THỊ MINH THỌ

*Chức vụ:* Giám đốc khối Kinh doanh Chứng khoán

*Giới tính:* Nữ

*Ngày tháng năm sinh:* 14-12-1976

*CMND:* 011805590, cấp ngày 13/08/2007 tại Hà Nội

*Quốc tịch:* Việt Nam

*Dân tộc:* Kinh

*Địa chỉ thường trú:* Số 21, Ngõ 535, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

*Số ĐT liên lạc ở cơ quan:* (84 4) 3933 4666 (Ext: 206)

*Trình độ văn hóa:* 12/12

*Trình độ chuyên môn:*

- Cử nhân Ngoại ngữ khoa tiếng Đức - Đại học Ngoại Ngữ Hà Nội
- Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng

*Quá trình công tác:* - 2000 - 2006: Trưởng Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán – Cty Chứng khoán SSI

*Chức vụ công tác hiện nay:* Giám đốc khối kinh doanh chứng khoán Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA

*Hành vi vi phạm pháp luật:* Không

*Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:* Không

*Những khoản nợ đối với Công ty:* Không

✓ ***Bà Tô Thị Minh Hương – Giám đốc khối Hành chính và phát triển thị trường***

*Họ và tên:* TÔ THỊ MINH HƯƠNG

*Chức vụ:* Giám đốc khối Hành chính và phát triển thị trường

*Giới tính:* Nữ

*Ngày tháng năm sinh:* 07-06-1962

*CMND:* 011326122, cấp ngày 12/05/1997 tại Hà Nội

*Quốc tịch:* Việt Nam

*Dân tộc:* Kinh

*Địa chỉ thường trú:* 550 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

*Số ĐT liên lạc ở cơ quan:* (84 4) 3933 4666 (Ext: 313)

*Trình độ văn hóa:* 12/12

*Trình độ chuyên môn:*

- Cử nhân Ngoại ngữ - Đại học Sư phạm Ngoại Ngữ
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân

*Quá trình công tác:*

- 1983-1995 : Điều phối viên tổ chức phi chính phủ PAM
- 1995-2006 : Giám đốc kinh doanh các tỉnh miền Bắc tập đoàn American Standard Việt Nam
- 2006-2007 : Phụ trách Giao dịch công ty Chứng

khoán SSI

*Chức vụ công tác hiện nay:* Giám đốc khối Hành chính và phát triển thị trường Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA

*Hành vi vi phạm pháp luật:* Không

*Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:* Không

*Những khoản nợ đối với Công ty:* Không

**✓ Ông Võ Thanh Hải – Giám đốc khối Công nghệ thông tin**

*Họ và tên:* VÕ THANH HẢI

*Chức vụ:* Giám đốc khối Công nghệ thông tin

*Giới tính:* Nam

*Ngày tháng năm sinh:* 23-09-1979

*CMND:* 011938058, cấp ngày 15/01/2011 tại Hà Nội

*Quốc tịch:* Việt Nam

*Dân tộc:* Kinh

*Địa chỉ thường trú:* 34 A1, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội

*Số ĐT liên lạc ở cơ quan:* (84 4) 3933 4666 (Ext: 613)

*Trình độ văn hóa:* 12/12

*Trình độ chuyên môn:* Kỹ sư Công nghệ Thông tin – Đại học Bách Khoa

*Quá trình công tác:* - 2003-2006 : Lập trình viên Công ty FPT

|   |   |
|---|---|
| <i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>       | Giám đốc khối Công nghệ thông tin Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA |
| <i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>       | Không   |
| <i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i> | Không   |
| <i>Những khoản nợ đối với Công ty:</i>  | Không   |

**3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm :** không có thay đổi

**4. Quyền lợi của Ban Giám đốc:** Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc được chi trả dựa trên Quy chế trả lương và các khoản chi khác của APSC

**5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

**5.1 Số lượng cán bộ, nhân viên :** Số lượng cán bộ công nhân viên toàn công ty là 64 người

**5.2 Chính sách đối với người lao động**

***Thời gian làm việc:***

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ mỗi ngày, 5 ngày một tuần, nghỉ trưa 1,5 giờ. Tùy nhu cầu hoạt động của công ty nhân viên tự nguyện làm thêm giờ. Khi có phát sinh làm thêm giờ Công ty áp dụng chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước với mức đãi ngộ thỏa đáng.

***Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết:***

Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động. Nhân viên đã ký hợp đồng lao động chính thức được nghỉ phép năm, hưởng nguyên lương. Số ngày nghỉ phép năm của mỗi nhân viên có thể thay đổi tương ứng với vị trí quản lý của nhân viên đó, nhưng tối thiểu là 12 ngày/năm.



Nếu thời gian làm việc dưới 12 tháng hoặc thôi việc thì thời gian nghỉ hàng năm được tính theo tỷ lệ tương ứng. Số ngày phép năm được tăng thêm theo thâm niên làm việc, cứ 5 năm làm việc được nghỉ thêm 1 ngày phép. Nhân viên có thể sử dụng thời gian nghỉ phép năm thành nhiều lần trong năm, nhưng phải có ít nhất 1 lần nghỉ 5 ngày làm việc. Công ty thanh toán chế độ lương, ốm, thai sản theo quy định, đây là phần BHXH trả thay lương.

### ***Điều kiện làm việc:***

Mọi nhân viên của Công ty được bảo đảm làm việc trong một môi trường làm việc tiện nghi, vệ sinh và an toàn lao động. Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc hiện đại tốt nhất cho nhân viên. Nhân viên có trách nhiệm giữ gìn môi trường làm việc lành mạnh, sạch sẽ.

### ***Chính sách thu hút nhân tài:***

Công ty áp dụng chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác để tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.

### ***Đào tạo:***

Công ty rất chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm công ty lập kế hoạch đào tạo chi tiết, đây là căn cứ để tiến hành đào tạo nhân sự theo lộ trình và tiêu chuẩn vạch sẵn. Hình thức đào tạo có thể là bên ngoài hoặc nội bộ nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

### ***Chính sách lương:***

APSC xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Việc điều chỉnh (tăng hoặc giảm) lương được xem xét vào tháng 2 hàng năm và hoàn toàn nằm trong quyết định của Tổng giám đốc Công ty căn cứ trên đề xuất của cán bộ quản lý các cấp theo quy định đánh giá năng lực, mức hoàn thành công việc cá nhân, quy trình điều chỉnh lương của Bộ phận Nhân Sự và kết quả kinh doanh của Công ty.

### ***Chính sách thưởng:***

Hàng năm, nhân viên đã ký hợp đồng lao động chính thức được hưởng tháng lương 13 bằng một (01) tháng lương cơ bản.

Tháng lương 13 sẽ được trả cùng với kỳ trả lương tháng 12. Ngoài ra, Công ty sẽ lập Quỹ khen thưởng tiền mặt trích từ lợi nhuận hàng năm để thưởng cho những nhân viên có đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động và sự phát triển lâu dài của Công ty, có kết quả đánh giá mức độ hoàn thành công việc tốt. Quá trình xét duyệt thưởng được thực hiện cùng với quá trình đánh giá kết quả làm việc của nhân viên hàng năm.

### ***Bảo hiểm và phúc lợi:***

Công ty đảm bảo thực hiện mọi quy định về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho nhân viên theo quy định tại Bộ Luật Lao Động và các quy định khác liên quan của pháp luật.

Tùy thuộc vào điều kiện tài chính, hạn mức chi phí và thời gian nghỉ hợp lý của nhân viên, Công ty sẽ tổ chức cho nhân viên đi nghỉ mát hàng năm. Số ngày đi nghỉ mát không cố định mà thay đổi tùy thuộc tình hình thực tế cho phép. Các chuyến đi này đã góp phần tích cực vào việc tăng cường tính tập thể và xây dựng một tập thể nhân viên APSC đoàn kết, vững mạnh.

### ***Sự tuân thủ pháp luật của nhân viên:***

Mọi cá nhân trong Công ty nghiêm túc tuân thủ mọi quy định của pháp luật về lao động được Bộ Luật Lao động qui định như: ký hợp đồng lao động trực tiếp với người lao động, tuân thủ mọi quy định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

## **6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng.**

Trong năm 2010 đã có thay đổi như sau:

- Bổ nhiệm thêm bà Trương Thị Minh Thọ, ông Lê Văn Cường làm thành viên Hội đồng quản trị
- Bổ nhiệm thêm bà Nguyễn Đặng Bảo Linh, bà Đỗ Bích Ngọc vào thành viên Ban kiểm soát.

## VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

### 1. Hội đồng quản trị/ Ban Giám đốc/Ban kiểm soát

#### *Hội đồng quản trị:*

|                        |              |
|------------------------|--------------|
| Ông Nguyễn Quốc Hùng   | Chủ tịch     |
| Ông Lê Như Hùng        | Phó chủ tịch |
| Ông Lê Văn Cường       | Thành viên   |
| Bà Trương Thị Minh Thọ | Thành viên   |

#### *Ban giám đốc:*

|                           |   |
|---------------------------|---|
| Ông Nguyễn Quốc Hùng      | Tổng Giám đốc                                     |
| Lê Văn Cường              | Giám đốc khối tư vấn tài chính                    |
| Bà Nguyễn Thị Giáng Hương | Giám đốc khối Tài chính Kế toán                   |
| Bà Trương Thị Minh Thọ    | Giám đốc khối Kinh doanh chứng khoán              |
| Bà Tô Minh Hương          | Giám đốc khối Hành chính và phát triển thị trường |
| Ông Võ Thanh Hải          | Giám đốc khối Công nghệ thông tin                 |

#### Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Tình hình biến động liên tục của thị trường gây nhiều khó khăn trong hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát và định hướng kịp thời cho Ban điều hành thông qua các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2010, Hội đồng quản trị đã quyết định các vấn đề sau :

- Quyết định tìm kiếm và lựa chọn đối tác chiến lược chuẩn bị cho việc tăng vốn.
- Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 và kế hoạch năm 2011.
- Thông qua việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy; thông qua danh sách thành viên hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới, thống nhất thời gian và nội dung đại hội cổ đông thường niên năm 2011.

***Ban kiểm soát:***

|                         |                          |
|-------------------------|--------------------------|
| Ông Lê Thành Trung      | Trưởng ban Ban kiểm soát |
| Bà Nguyễn Đăng Bảo Linh | Thành viên ban kiểm soát |
| Bà Đỗ Bích Ngọc         | Thành viên ban kiểm soát |

***Hoạt động của Ban kiểm soát:***

Năm 2010 Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và chức năng của mình, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình.

Trong năm Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc cụ thể như sau:

- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 và kế hoạch kinh doanh năm 2011
- Xem xét tính minh bạch và kịp thời của quá trình công bố thông tin nhằm đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư và cổ đông
- Giám sát việc thực hiện đúng các quy trình và quy chế quy định trong công ty
- Thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động hàng tháng, quý và năm 2010
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty

***Thù lao cho HĐQT, BGD và BKS:***

Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2010 là 72 triệu đồng.

*Đơn vị: VND*

|                   |                   |
|-------------------|-------------------|
| Hội đồng quản trị | 48.000.000        |
| Ban kiểm soát     | 24.000.000        |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>72.000.000</b> |

**Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:**

Cải tiến bộ máy quản trị đem lại hiệu quả cao trong việc điều hành và đưa ra các định hướng mục tiêu trong tương lai. Liên tục cử lãnh đạo tham gia các khóa đào tạo trình độ quản trị, trình độ nghiệp vụ nhằm cập bắt kịp xu thế phát triển của ngành.

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT:**

| <b>STT</b> | <b>Họ và tên (tên giao dịch đối với tổ chức) cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần/ phần vốn góp</b> | <b>Số giấy CMND/ Giấy CNDKKD, ngày cấp, nơi cấp</b> | <b>Địa chỉ thường trú/Địa chỉ trụ sở chính</b>                      | <b>Tỷ lệ sở hữu</b> |
|------------|--|---|---|---------------------|
| 1          | <b>Nguyễn Quốc Hùng</b>  | 011019129 cấp ngày 30/03/2000 tại Hà Nội            | Số 64 Ngõ Thổ Quan, phố Khâm Thiên, Hà Nội                          | <b>18.43%</b>       |
| 2          | <b>Lê Như Hùng</b>   | 022971750 cấp ngày 18/11/2003                       | 279 Hoàng Hoa Thám, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh | <b>1.96%</b>        |
| 3          | <b>Lê Văn Cường</b>  | 011663391 cấp ngày 24/05/2005 tại Hà Nội            | 150 L3, Thái Thịnh, Hà Nội  | <b>0.70%</b>        |
| 4          | <b>Trương Thị Minh Thọ</b>   | 0118055090 cấp ngày 13/08/2007 tại Hà Nội           | Số 02 Ngách 62/2 Linh Lang, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội                | <b>3.24%</b>        |

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên BGD:**

| <b>STT</b> | <b>Họ và tên (tên giao dịch đối với tổ chức) cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần/ phần vốn góp</b> | <b>Số giấy CMND/ Giấy CNĐKKD, ngày cấp, nơi cấp</b> | <b>Địa chỉ thường trú/Địa chỉ trụ sở chính</b>       | <b>Tỷ lệ sở hữu</b> |
|------------|--|---|--|---------------------|
| 1          | <b>Nguyễn Quốc Hùng</b>  | 011019129 cấp ngày 30/03/2000 tại Hà Nội            | Số 64 Ngõ Thổ Quan, phố Khâm Thiên, Hà Nội           | <b>18.43%</b>       |
| 2          | <b>Lê Văn Cường</b>  | 011663391 cấp ngày 24/05/2005 tại Hà Nội            | 150 L3, Thái Thịnh, Hà Nội                           | <b>0.70%</b>        |
| 3          | <b>Trương Thị Minh Thọ</b>   | 0118055090 cấp ngày 13/08/2007 tại Hà Nội           | Số 02 Ngách 62/2 Linh Lang, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội | <b>3.24%</b>        |
| 4          | <b>Tô Thị Minh Hương</b>   | 011326122, cấp ngày 12/05/1997 tại Hà Nội           | 550 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội                   | <b>0.34%</b>        |
| 5          | <b>Nguyễn Thị Giáng Hương</b>  | 012045938, cấp ngày 01/07/1999 tại Hà Nội           | Số 21, Ngõ 535, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội              | <b>2.17%</b>        |
| 6          | <b>Võ Thanh Hải</b>  | 011938058, cấp ngày 15/01/2011 tại Hà Nội           | 34 A1, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội                     | <b>0.22%</b>        |

Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên : không có

Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: không có

### 1.1 Các dữ liệu thống kê về cổ đông

#### 1.2 Cổ đông tổ chức

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|--|--|--------------|
| 1   | <p><b>Công ty TNHH Công Nghệ Thông Tinh và Viễn Thông Tân Thanh Hoa.</b></p> <p>Đại diện:<br/><b>Lê Như Hùng</b></p> | <p>299/81 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>279 Hoàng Hoa Thám, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh</p> | 1.96%        |

### 1.3 Cổ đông lớn

| STT | Họ và tên (tên giao dịch đối với tổ chức) cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần/ phần vốn góp | Số giấy CMND/ Giấy CNĐKKD, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ thường trú/Địa chỉ trụ sở chính  | Tỷ lệ sở hữu  |
|-----|---|--|--|---------------|
| 1   | <b>Lê Thành Trung</b>   | 012847076 cấp ngày 29/12/2005 tại CA HN      | Số 101B, Tập thể Công ty xây dựng công nghiệp, Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội | <b>9.81%</b>  |
| 2   | <b>Vũ Thúy Anh</b>  | 011774886 cấp ngày 19/07/1992 tại CA HN      | Số 2, tổ 22, phường Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội                               | <b>9.26%</b>  |
| 3   | <b>Nguyễn Quốc Hùng</b>   | 11019129 cấp ngày 30/03/2000 tại HN          | Số 64 Ngõ Thỏ Quan, phố Khâm Thiên, Hà Nội                                     | <b>18.43%</b> |
| 4   | <b>Lê Thị Thu Huyền</b>   | 011563574 cấp ngày 04/02/2005 tại Hà Nội     | Số 64 Ngõ Thỏ Quan, phố Khâm Thiên, Hà Nội                                     | <b>18.38%</b> |
| 5   | <b>Nguyễn Thị Hồng Hạnh</b>   | 011260511 cấp ngày 12/04/2007 tại Hà Nội     | 12 Tuệ Tĩnh, Hai Bà Trưng, Hà Nội  | <b>20.34%</b> |



#### 1.4 Cổ đông sáng lập

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức  | Số cổ phần sáng lập |
|-----|---|---|---------------------|
| 1   | <b>Lê Thành Trung</b>   | Số 101B, Tập thể Công ty xây dựng công nghiệp, phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  | 600.000             |
| 2   | <b>Vũ Thúy Anh</b>  | Số 2, tổ 22, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội   | 200.000             |
| 3   | <b>Nguyễn Tiến Cường</b>  | Số 130, Mai Hắc Đế, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội   | 200.000             |
| 4   | <b>Công ty TNHH Công Nghệ Thông Tin và Viễn Thông Tân Thanh Hoa.</b><br><br>Đại diện:<br><b>Lê Như Hùng</b> | 299/81 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh<br><br>279 Hoàng Hoa Thám, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh | 100.000             |

1.5 Cổ đông nước ngoài : không có

1.6 Cổ đông nhà nước: Không có

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN QUỐC HÙNG**